

7- Kiểm tra quyết toán tài chính.

Căn cứ báo cáo quyết toán tài chính do ngân hàng quản lý Quỹ lập, Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước kiểm tra quyết toán tài chính hàng năm của Quỹ, trong đó, xác định chính thức số phí dịch vụ ngân hàng quản lý Quỹ được hưởng, xử lý bù đắp rủi ro.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ngân hàng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng, quản lý vốn, tài sản của Nhà nước và của xã hội phục vụ sự nghiệp giáo dục và đào tạo; chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính nhà nước theo Pháp lệnh Kế toán thống kê và chế độ tài chính quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

THÔNG TƯ số 105/1998/TT-BTC ngày 23/7/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ đối với báo cáo viên của Đảng.

Căn cứ Thông báo số 71-TB/TU ngày 07/6/1997 của Thường vụ Bộ Chính trị về việc tăng cường lãnh đạo và đổi mới công tác tuyên truyền miệng;

Căn cứ vào Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm tại Công văn số 672-VPCP/KGVX ngày 27/2/1997 của Văn phòng Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cơ quan, đơn vị nào đứng ra tổ chức hội nghị thông tin chuyên đề, hội nghị báo cáo viên thì cơ quan đó đảm bảo kinh phí chi trả thù lao cho báo cáo viên.

2. Đối với báo cáo viên là cán bộ trong biên chế thì cơ quan của báo cáo viên có trách nhiệm chi trả tiền công tác phí (nếu có) theo chế độ hiện hành cho báo cáo viên.

3. Đối với báo cáo viên không nằm trong biên chế thì cơ quan đứng ra tổ chức hội nghị có trách nhiệm chi trả tiền đi lại, ăn, ở cho báo cáo viên (nếu có) tương đương mức chi đối với cán bộ, công nhân viên thuộc khu vực hành chính sự nghiệp.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**1. Chế độ trả thù lao cho báo cáo viên:**

- Đối với báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Thứ trưởng (và tương đương), các giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ, chuyên gia đầu ngành: 100.000 đồng/buổi.

- Báo cáo viên là cấp Cục, Vụ, Viện, chuyên gia đầu ngành ở các cơ quan trung ương: 80.000 đồng/buổi.

- Báo cáo viên ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Tỉnh ủy, Thành ủy viên hoặc là cán bộ đầu ngành của tỉnh, thành phố: 60.000 đồng/buổi.

- Báo cáo viên ở cấp quận, huyện, thị xã: 50.000 đồng/buổi.

- Báo cáo viên cấp xã, phường, thị trấn: 30.000 đồng/buổi.

Đối với báo cáo viên là cán bộ nhà nước đã nghỉ hưu, tùy theo chức vụ, học hàm, học vị đã giữ trước khi nghỉ được hưởng chế độ trả thù lao tương đương với các mức nêu trên đối với cán bộ đương chức.

2. Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của tổ chức báo cáo viên do cơ quan trực tiếp quản lý đảm bảo trên cơ sở sắp xếp, điều chỉnh tài sản

hiện có của cơ quan. Trong trường hợp thật cần thiết, nếu thiếu, cơ quan quản lý lập dự toán với cơ quan tài chính cùng cấp để cân đối vào dự toán ngân sách đảng và ngân sách nhà nước.

3. Kinh phí tổ chức hội nghị thông tin chuyên đề, hội nghị báo cáo viên hàng năm do cơ quan tổ chức hội nghị chi theo chế độ hiện hành.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Riêng kinh phí năm 1998 để chi trả cho báo cáo viên, theo chế độ này của các đơn vị hành chính sự nghiệp hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước thì bố trí, sắp xếp trong dự toán ngân sách nhà nước đã được giao.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính và Ban Tài chính quản trị Trung ương để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 106/1998/TT-BTC ngày 23/7/1998 hướng dẫn thời gian tạm chưa nộp thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

Căn cứ Điều 8 Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam; căn cứ Mục I Nghị quyết số 02/1998/NQ-CP ngày 26/1/1998 của Chính phủ về chính sách, biện pháp khuyến khích xuất khẩu;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 775/CP-KTTH ngày 10/7/1998;

Để phù hợp với tình hình thực tế của hoạt động xuất nhập khẩu, nhằm khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả và tăng nhanh xuất khẩu, sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ, ngành, Bộ Tài chính hướng dẫn thời gian tạm chưa nộp thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp như sau:

Các doanh nghiệp (doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu được tạm chưa nộp thuế nhập khẩu trong thời gian 9 (chín) tháng kể từ ngày nhận được thông báo thuế chính thức của cơ quan hải quan về số thuế phải nộp. Trong thời gian tạm chưa nộp thuế nêu trên, nếu doanh nghiệp đã thực xuất khẩu sản phẩm thì doanh nghiệp không phải nộp thuế nhập khẩu cho số nguyên liệu, vật tư tương ứng với số sản phẩm đã thực xuất khẩu. Nếu ngoài thời gian tạm chưa nộp thuế (9 tháng) mà doanh nghiệp chưa thực xuất khẩu sản phẩm thì doanh nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu, khi có sản phẩm thực xuất khẩu thì sẽ được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp.

Thủ tục và thẩm quyền giải quyết không thu thuế nhập khẩu, hoàn thuế nhập khẩu, thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 72A-TC/TCT ngày 30/8/1993; số 53 -TC/TCT ngày 13/7/1995; số 84/1997/TT-BTC ngày 13/11/1997 của Bộ Tài chính.

Thông tư này có hiệu lực thi hành đối với các tờ khai hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan kể từ ngày 01 tháng 7 năm 1998.

Tổng cục Hải quan hướng dẫn Cục Hải quan các địa phương thực hiện thống nhất Thông tư này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG